

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

CÔNG TY TNHH EB CẦN THƠ

KIẾU CHUA CAY

Số: PR_003/CT/2019

Địa chỉ: LÔ SỐ 1, KDC.HƯNG PHÚ 1, P.HƯNG PHÚ, Q.CÁI RĂNG,TP.CẦN THƠ

Điện thoại: (0292) 3737575

Fax: (0292) 3737474

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: PR_003/CT/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức:

CÔNG TY TNHH EB CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô số 1, khu dân cư Hưng Phú 1, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

Điện thoại:

0292 3737575

E-mail:

customer.care@bigc-vietnam.com

Mã số doanh nghiệp:

1801210593

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

29/GCNATTP-SCT, cấp ngày 02/10/2018 tại thành phố Cần Thơ

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

KIẾU CHUA CAY

2. Thành phần: Củ kiệu ($\geq 50\%$), nước, giấm, đường, ớt, muối i-ốt.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 90 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh hỗn hợp: 450 g – Khối lượng củ kiệu: 300 g
hoặc tùy theo nhu cầu của khách hàng
Chất liệu bao bì: Hũ nhựa PET.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Chỉ tiêu kim loại nặng: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa cho phép
1.	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0,05
2.	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,1

2. Chỉ tiêu vi sinh vật: theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa cho phép
1.	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10^4
2.	Coliforms	CFU/g	10
3.	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	0
4.	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10
5.	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10^2

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa cho phép
6.	Tổng số bào tử nấm men-mốc	CFU/g	10 ²

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Hồ Quang Kiều
Giám đốc siêu thị

ĐÍNH KÈM :

DỰ THẢO NHÃN

KIẾU CHUA CAY

Đậm đà – Tươi ngon

Thành phần: Củ kiệu (≥50%), nước, giấm, đường, ớt, muối i-ốt.

HDSD: Dùng ngay hoặc chế biến tùy thích.

HDBQ: Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Bảo quản trong tủ lạnh sau khi mở bao bì

Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng

Hạn sử dụng: 90 ngày kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất:

Khối lượng tịnh hỗn hợp:

Khối lượng củ kiệu:

Số tự CBSP: PR_003/CT/2019

Sản phẩm của Công Ty TNHH EB Cần Thơ, Lô số 1, KDC. Hưng Phú 1, P. Hưng Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.

Số/ No.: FL2111

Mã số mẫu/ Sample code: 181221030

Ngày/ Date: 31/12/2018

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST REPORT

Khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH EB CẦN THƠ
Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp/ Sample information provided by customer : Kiểu chua cay
Mô tả mẫu/ Sample description : Kiểu chua cay đựng trong hũ nhựa
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 21/12/2018
Thời gian thử nghiệm/ Testing period : 22/12/2018 - 27/12/2018

STT/ No.	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Method
1	Total Plate count (30°C) (*)	CFU/g	7.1 x 10 ²	ISO 4833-1: 2013
2	<i>Escherichia coli</i> (*)	/g	ND	ISO 7251: 2005
3	Coliforms (*)	CFU/g	<10	ISO 4832: 2006
4	Men/Mốc (*)	CFU/g	40	ISO 21527-1: 2008
5	<i>Clostridium perfringens</i> (*)	CFU/g	<10	ISO 7937: 2004
6	<i>Bacillus cereus</i> (*)	CFU/g	<10	ISO 7932: 2004
7	Cd (**)	mg/kg	ND (LOD=0.05)	FLAB-FC-MTHD-030 (Ref. AOAC 2013.06)
8	Pb (**)	mg/kg	ND (LOD=0.05)	FLAB-FC-MTHD-030 (Ref. AOAC 2013.06)

Ghi chú/ Note:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample
- Các mẫu sau khi phân tích sẽ được thanh lý trong vòng 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả/ All tested samples shall be disposed at the expiration of a period of 10 days from the day of issue testing report
- ND: Không phát hiện/ Not detected; Pos: Dương tính/ Positive
- (*): Chỉ tiêu đã được công nhận Vilas/ Parameters were accredited by Vilas
- (**): Gửi nhà thầu phụ/ Use subcontractor
- LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng/ Limit of quantitation

Phụ trách phòng thử nghiệm/ Authorized laboratory representative

Đại diện Viacimex/ On behalf of Viacimex

Handwritten signature



Handwritten signature

**GIÁM ĐỐC
Trần Thị Liên**